

TTĐT(2)

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 66.6/2025/NQ-CP

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2025

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: C
	Ngày: 30.10.2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định về xử lý khó khăn, vướng mắc trong giao quyền phê duyệt một số nội dung trong hoạt động dầu khí

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Dầu khí số 12/2022/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 206/2025/QH15 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật;

Căn cứ Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 2211/TB-VPQH của Văn phòng Quốc hội về việc ủy quyền cho Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam phê duyệt một số nội dung trong hoạt động dầu khí;

Căn cứ Nghị định số 45/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị quyết quy định về xử lý khó khăn, vướng mắc trong giao quyền phê duyệt một số nội dung trong hoạt động dầu khí.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này quy định về xử lý khó khăn, vướng mắc trong giao quyền phê duyệt một số nội dung trong hoạt động dầu khí liên quan đến khoản 5 Điều 45, khoản 5 Điều 46, khoản 5 Điều 47, khoản 5 Điều 48, khoản 6 Điều 50 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022 (sau đây gọi tắt là Luật Dầu khí năm 2022); Điều 48, Điều 49, Điều 50, Điều 51 Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí (sau đây gọi tắt là Nghị định số 45/2023/NĐ-CP).

2. Đối tượng áp dụng là các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có liên quan đến hoạt động dầu khí tại Việt Nam.

Điều 2. Giao quyền phê duyệt một số nội dung trong hoạt động dầu khí

Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (sau đây gọi tắt là PVN) thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương theo quy định của Luật Dầu khí năm 2022 và Nghị định số 45/2023/NĐ-CP, bảo đảm không ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh đối với các nội dung sau:

1. Phê duyệt kế hoạch đại cương phát triển mỏ dầu khí, ngoại trừ trường hợp dự án phát triển mỏ dầu khí trên đất liền, dự án phát triển mỏ dầu khí có chuỗi đồng bộ các hạng mục và công trình, thiết bị dầu khí trên đất liền và trên biển và phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đại cương phát triển mỏ dầu khí đối với trường hợp thay đổi phương án phát triển, ngoại trừ đối với các dự án khí, dự án có thay đổi nhu cầu sử dụng đất đối với phát hiện dầu khí đã được phê duyệt:

Việc thẩm định, phê duyệt của PVN được thực hiện theo quy trình do PVN ban hành theo quy định tại khoản 7 Điều 48 Nghị định số 45/2023/NĐ-CP. PVN chịu trách nhiệm về việc sử dụng vốn của PVN trong trường hợp PVN tham gia hợp đồng dầu khí với tư cách nhà thầu.

2. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch khai thác sớm mỏ dầu khí đối với các trường hợp:

a) Việc điều chỉnh dẫn đến tổng mức đầu tư giảm, không phụ thuộc vào nội dung thay đổi các hạng mục công việc và chi phí từng hạng mục;

b) Việc điều chỉnh dẫn đến tổng mức đầu tư tăng dưới 10% ngoại trừ trường hợp xây dựng thêm giàn.

Việc thẩm định, phê duyệt của PVN được thực hiện theo quy trình do PVN ban hành theo quy định tại khoản 9 Điều 49 Nghị định số 45/2023/NĐ-CP. PVN chịu trách nhiệm về việc sử dụng vốn của PVN trong trường hợp PVN tham gia hợp đồng dầu khí với tư cách nhà thầu.

3. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch phát triển mỏ dầu khí đối với các trường hợp:

a) Việc điều chỉnh dẫn đến tổng mức đầu tư giảm, không phụ thuộc vào nội dung thay đổi các hạng mục công việc và chi phí từng hạng mục;

b) Việc điều chỉnh dẫn đến tổng mức đầu tư tăng dưới 10% ngoài trường hợp xây dựng thêm giàn.

Việc thẩm định, phê duyệt của PVN được thực hiện theo quy trình do PVN ban hành theo quy định tại khoản 8 Điều 50 Nghị định số 45/2023/NĐ-CP. PVN chịu trách nhiệm về việc sử dụng vốn của PVN trong trường hợp PVN tham gia hợp đồng dầu khí với tư cách nhà thầu.

4. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch thu dọn công trình dầu khí đối với các trường hợp điều chỉnh dẫn đến dự toán chi phí trong kế hoạch thu dọn công trình dầu khí được phê duyệt gần nhất của Bộ Công Thương giảm hoặc tăng dưới 20%, không phụ thuộc vào nội dung thay đổi.

Việc thẩm định, phê duyệt của PVN được thực hiện theo quy trình do PVN ban hành theo quy định tại khoản 6 Điều 51 Nghị định số 45/2023/NĐ-CP.

5. Phê duyệt báo cáo tài nguyên, trữ lượng dầu khí (lần đầu) đối với mỏ, phát hiện dầu khí có tổng lượng dầu tại chỗ dưới 30 triệu m³, tổng lượng khí tại chỗ dưới 30 tỷ m³, ngoại trừ những báo cáo tài nguyên, trữ lượng dầu khí do PVN trực tiếp thực hiện đối với những Hợp đồng dầu khí mà PVN là Người điều hành, Chủ đầu tư.

Việc thẩm định, phê duyệt của PVN được thực hiện theo quy trình do PVN ban hành.

Điều 3. Trách nhiệm của PVN và Bộ Công Thương

1. PVN có trách nhiệm báo cáo Bộ Công Thương kết quả phê duyệt các nội dung được giao quyền nêu trên.

2. Bộ Công Thương tổ chức kiểm tra, giám sát PVN trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao quyền nêu trên.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027, trong trường hợp Luật Dầu khí được sửa đổi, bổ sung và có hiệu lực thi hành trước ngày 28 tháng 02 năm 2027 thì áp dụng đến thời điểm có hiệu lực thi hành của Luật Dầu khí được sửa đổi, bổ sung.

Trong thời gian các quy định của Nghị quyết này có hiệu lực, nếu quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục trong Nghị quyết này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực có quy định khác với nội dung của Nghị quyết này thì các quy định tương ứng trong Nghị quyết này chấm dứt hiệu lực

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Quốc hội (để b/c);
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2). 70

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Bùi Thanh Sơn

Bùi Thanh Sơn